

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạ.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 495/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1983; thường trú: Số A khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985; thường trú: Số A khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện yêu nhau khoảng hơn 04 năm thì về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 1, ngày 18/5/2007. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Từ khoảng tháng 5/2025 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 5/2025, bà T và ông T1 viết giấy ly thân với nhau, ông T1 chỉ ở nhà vào ban ngày (khoảng mấy tiếng đồng hồ buổi sáng) còn ban đêm ông T1 ra ngoài, bà T không biết ông T1 đi đâu. Đến tháng 7/2025, bà T phát hiện ông T1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng không còn nói chuyện với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T xác định tình cảm giữa bà và ông T1 không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là Nguyễn Thị Kiều T2, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 30/4/2008. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 thống nhất trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống của vợ chồng. Ông T1 xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Do ông T1 chạy xe công nghệ nên thời gian không cố định, vì vậy việc ăn uống tự do chứ ông không có quan hệ với người phụ nữ khác như nguyên đơn trình bày. Về vấn đề kinh tế vợ chồng vẫn chia sẻ với nhau, hàng tháng ông T1 lo khoản nợ cho Ngân hàng còn bà T lo tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, không sinh hoạt vợ chồng. Tuy nhiên, ông T1 xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn. Mong vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng con chung vì trước đây bà T từng bị tai nạn, phải cắt bỏ một quả thận nên bà T không đảm bảo sức khỏe để chăm sóc bản thân và nuôi dưỡng các con.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Kiều T2, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 30/4/2008. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T1 tôn trọng sự lựa chọn của các con. Ông T1 sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tùy vào điều kiện kinh tế của bản thân.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng

pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có địa chỉ cư trú tại số A khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề hôn nhân và con chung. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 1, ngày 18/5/2007, việc kết hôn là tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Tuy nhiên, ông T1 xác định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án bà T và ông T1 không ai có đơn đề nghị hòa giải về quan hệ hôn nhân tại địa phương, phù hợp với lời khai của các đương sự.

[3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bản thân ông T1 cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống và không tin tưởng nhau về tình cảm vì trước đây (thời điểm vợ sinh con thứ hai) ông đã từng có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ. Tuy nhiên, ông T1 không đưa ra được phương án nào để vợ chồng về đoàn tụ. Bà T không chấp nhận ý kiến của ông T1 và kiên quyết ly hôn. Tất cả những điều này đều chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều T2, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 30/4/2008. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng. Xét thấy, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là nghĩa vụ chung của cha mẹ. Tại bản tự khai ông

T1 xác định tôn trọng sự lựa chọn của các con, nếu các con đều mong muốn được ở với mẹ thì ông T1 cũng đồng ý. Tại phiên tòa ông T1 cho rằng bà T đã từng bị tai nạn và cắt bỏ một quả thận nên không đảm bảo sức khỏe tốt để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất cho các con. Tuy nhiên, bà T khẳng định, hiện nay bà đang có công việc ổn định, thu nhập trung bình hàng tháng của bà khoảng 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, bà vẫn đảm bảo sức khỏe để chăm sóc các con. Các con đã có ý thức tự lập, tự đi học nên không cần cha mẹ đưa đón. Tại đơn trình bày nguyện vọng, các cháu đều có mong muốn được sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập và phát triển tốt cho các cháu, Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao các con cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 18/5/2007).

2. Về con chung: Buộc ông Nguyễn Minh T1 giao 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Kiều T2, sinh ngày 03/11/2010 và Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 30/4/2008 cho bà Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của của bà Đỗ Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà T và ông T1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Minh T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025661 ngày 13/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - TP .;
- Phòng THADS Khu vực 16 - TP .;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ DĨ AN

TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: /2025/TL-BA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dĩ An, ngày tháng 6 năm 2025

TRÍCH LỤC BẢN ÁN

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 77/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Vân A, sinh năm: 1989; thường trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hữu Quang H1, sinh năm: 1988; thường trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Vân A đối với ông Lê Hữu Quang H1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân A được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/5/2017).

- Về con chung: Ông Lê Hữu Quang H1 giao 01 (một) con chung tên Lê Hữu Quang Đ, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Đỗ Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Hữu Quang H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Hữu Quang Đ số tiền mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Lê Hữu Quang H1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Đỗ Thị Vân A nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Vân A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007718 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Hữu Quang H1 phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bản án đã có hiệu lực pháp luật trích lục để thi hành.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T;
- UBND xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Chu Thị Vân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB –TA

Dĩ An, ngày tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về thông tin thay đổi hộ tịch cá nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào khoản 3 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 5 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình được biết về việc: Bà Đỗ Thị Vân A được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/5/2017).

Đề nghị cơ quan quản lý hộ tịch cập nhật thông tin thay đổi vào Sổ hộ tịch theo quy định./.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- UBND xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, HSVA.

Chu Thị Vân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dĩ An, ngày 06 tháng 5 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị V.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

2. Ông Nguyễn Đức L.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Vân A, sinh năm: 1989; thường trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hữu Quang H1, sinh năm: 1988; thường trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Vân A đối với ông Lê Hữu Quang H1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân A được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/5/2017).

- Về con chung: Ông Lê Hữu Quang H1 giao 01 (một) con chung tên Lê Hữu Quang Đ, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Đỗ Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Hữu Quang H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Hữu Quang Đ số tiền mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Lê Hữu Quang H1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Đỗ Thị Vân A nuôi con thì bà có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Vân A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007718 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Hữu Quang H1 phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Diễm Nguyễn Đức L

Chu Thị Vân

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: /2025/TL-BA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 06 tháng 5 năm 2026

TRÍCH LỤC BẢN ÁN

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 59/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L1, sinh năm: 1996; thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Đường D, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Xuân V1, sinh năm 1993; thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Đường D, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN **ĐÃ QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L1 đối với ông Hoàng Xuân V1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L1 được ly hôn với ông HOàng Xuân V1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/8/2015).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Hoàng Lê Thảo N, sinh ngày 29/01/2016 và Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Lê Thị L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L1 về việc không yêu cầu ông Hoàng Xuân V1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà L1 và ông V1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông V1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà L1 nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị L1 và ông Hoàng Xuân V1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007690, ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án đã có hiệu lực pháp luật trích lục để thi hành.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T;
- UBND xã Đ, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Chu Thị Vân

THÔNG BÁO
Về thông tin thay đổi hộ tịch cá nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào khoản 3 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 5 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa được biết về việc: Bà Lê Thị L1 được ly hôn với ông HOàng Xuân V1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/8/2015).

Đề nghị cơ quan quản lý hộ tịch cập nhật thông tin thay đổi vào Sổ hộ tịch theo quy định./.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- UBND xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HSVA.

Chu Thị Vân

